

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2024
“*V/v ly hôn và con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Tống Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 641/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Quanh Đ – Sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Số C đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Hẻm B đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T - sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường A, Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người giám hộ của ông Nguyễn Duy T là ông Nguyễn Cao Đ1 – Sinh năm 1969 (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường A, Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Quanh Đ trình bày có nội dung như sau:

Tôi (Đỗ Thị Quanh Đ) và anh Nguyễn Duy T tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/9/2011.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau một khoảng thời gian chung sống, tôi và anh Nguyễn Duy T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Vào năm 2020, anh Nguyễn Duy T bị tai nạn giao thông, bị chấn thương ở vùng đầu và tay chân. Ngày 10/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định số 20/2021/QĐST-DS tuyên bố anh Nguyễn Duy T mất năng lực hành vi dân sự. Bản thân anh Nguyễn Duy T không thể tự chăm sóc cho bản thân, hiện nay anh T được bố đẻ là ông Nguyễn Cao Đ1 chăm sóc nuôi dưỡng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Duy T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hân D – Sinh ngày 25/10/2011, và cháu Nguyễn Minh T1 – Sinh ngày 05/10/2014. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành. Hiện nay các cháu đang sống cùng với tôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh Nguyễn Duy T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Nguyễn Duy T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người giám hộ của ông Nguyễn Duy T là ông Nguyễn Cao Đ1 trình bày:

Tôi (Nguyễn Cao Đ1) là cha đẻ và là người giám hộ của anh Nguyễn Duy T. Vào năm 2020, anh Nguyễn Duy T bị tai nạn giao thông, bị chấn thương ở vùng đầu và tay chân. Ngày 10/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định số 20/2021/QĐST-DS tuyên bố anh Nguyễn Duy T mất năng lực hành vi dân sự. Bản thân anh Nguyễn Duy T không thể tự chăm sóc cho bản thân, mọi sinh hoạt hằng ngày đều có gia đình trợ giúp, chăm sóc, nuôi dưỡng, trí nhớ bị suy giảm và không nhận thức được.

Anh Nguyễn Duy T và chị Đỗ Thị Quanh Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/9/2011. Hiện nay anh Nguyễn Duy T không có khả năng chăm lo cho gia đình, vợ con, anh T và chị Đ đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh Nguyễn Duy T và chị Đỗ Thị Quanh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hân D – Sinh ngày 25/10/2011, và cháu Nguyễn Minh T1 – Sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị Đ. Gia đình anh T đồng ý giao cháu D và cháu T1 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng

các cháu cho đến tuổi trưởng thành, gia đình anh T sẽ có trách nhiệm đi lại thăm nom các cháu và hỗ trợ chị Đ trong quá trình nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Quanh Đ. Chấp nhận bà Đỗ Thị Quanh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Chấp nhận giao hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hân D – Sinh ngày 25/10/2011, và cháu Nguyễn Minh T1 – Sinh ngày 05/10/2014 cho bà Đỗ Thị Quanh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Đỗ Thị Quanh Đ không yêu cầu ông Nguyễn Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Quanh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Duy T – Nơi cư trú: Số A đường A, Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Quanh Đ và ông Nguyễn Duy T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/9/2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà Đỗ Thị Quanh Đ và ông Nguyễn Duy T xảy ra mâu thuẫn, bà Đỗ Thị Quanh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 20/2021/QĐST-DS ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên bố ông Nguyễn Duy T mất năng lực hành vi dân sự. Ông Nguyễn Duy T không thể quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành làm việc với ông Nguyễn Cao Đ1 là cha đẻ và là người giám hộ của ông Nguyễn Duy T. Ông Nguyễn Cao Đ1 cũng xác định tình trạng của ông Nguyễn Duy T hiện nay không thể chăm lo cho bản thân, vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân tồn tại dựa trên tình cảm của vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông Nguyễn Duy T là người mất năng lực hành vi dân sự, nên đời sống hôn nhân giữa bà Đ và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Quanh Đ xin ly hôn với ông Nguyễn Duy T, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà Đỗ Thị Quanh Đ và ông Nguyễn Duy T có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hân D – Sinh ngày 25/10/2011, và cháu Nguyễn Minh T1 – Sinh ngày 05/10/2014. Bà Đỗ Thị Quanh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy kể từ khi ông Nguyễn Duy T bị bệnh, bà Đỗ Thị Quanh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Các con chung hiện đang sống cùng với mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ (bà Đỗ Thị Quanh Đ). Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của trẻ, cần giao hai con chung cháu Nguyễn Hoàng Hân D và cháu Nguyễn Minh T1 cho bà Đỗ Thị Quanh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Quanh Đ không yêu cầu ông Nguyễn Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Quanh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Quanh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Quanh Đ đối với ông Nguyễn Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Quanh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hân D – Sinh ngày 25/10/2011, và cháu Nguyễn Minh T1 – Sinh ngày 05/10/2014 cho bà Đỗ Thị Q Đào trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Duy T, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Quanh Đ không yêu cầu ông Nguyễn Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Quanh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Quanh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0013152 ngày 05 tháng 7 năm 2024 (do Nguyễn Thị X nộp thay).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã C, TP.BMT
- (GCN kết hôn số 130, quyển số 02/2011 ngày 20/9/2011)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương